|  |  |
| --- | --- |
| BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  **TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN**  **ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-TĐC | *Hà Nội, ngày tháng năm 2023* |

**TỜ TRÌNH**

**Về dự thảo “Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2”**

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

**I. Sự cần thiết**

Phương tiện đo là phương tiện kỹ thuật (thiết bị, dụng cụ đo; thiết bị, dụng cụ có chức năng đo; hệ thống đo để thực hiện phép đo) được dùng để thực hiện phép đo.

Trên thế giới, các nước đều có quy định Danh mục phương tiện đo phải kiểm soát chặt chẽ về đo lường và các biện pháp kiểm soát về đo lường đối với phương tiện đo thuộc danh mục (ví dụ: Trung Quốc quy định 116 loại phương tiện đo phải được kiểm định).

Ở Việt Nam, tại Khoản 2 Điều 16 của Luật Đo lường quy định: “Phương tiện đo được sử dụng để định lượng hàng hóa, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác (sau đây gọi tắt là phương tiện đo nhóm 2) phải được kiểm soát theo yêu cầu kỹ thuật đo lường do cơ quan quản lý nhà nước về đo lường có thẩm quyền quy định áp dụng”.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 16, Khoản 5 Điều 19, Khoản 2 Điều 20 và Khoản 2 Điều 21 của Luật Đo lường, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ được giao quy định chi tiết các nội dung: Danh mục phương tiện đo nhóm 2; biện pháp kiểm soát về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2; phê duyệt mẫu phương tiện đo nhóm 2; kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

Căn cứ quy định của Luật Đo lường, ngày 26/9/2013, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 (Thông tư 23). Thông tư 23 có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 11 năm 2013.

Tổng kết thực hiện Thông tư 23 cho thấy quy định này cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về đo lường trong thời gian qua. Công tác quản lý nhà nước về đo lường ngày càng được nâng cao, tăng cường được hiệu lực quản lý nhà nước về đo lường tại địa phương, cũng như góp phần vào việc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, đảm bảo công bằng xã hội, văn minh thương mại, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tính đến nay, mỗi năm có hàng ngàn mẫu phương tiện đo nhóm 2 sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu được phê duyệt mẫu, kiểm định theo quy định.

Về mặt hiệu quả kinh tế: Việc tăng cường quản lý phương tiện đo nhóm 2 góp phần đảm bảo lợi ích người tiêu dùng và tiết kiệm được chi phí do thất thoát, gian lận hoặc gây hại cho môi trường.

Về mặt hiệu quả xã hội: Cùng với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, Thông tư quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 sẽ là cơ sở để góp phần nâng cao hiệu lực và hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về đo lường tại Việt Nam. Đồng thời, qua đó nâng cao ý thức, trách nhiệm của doanh nghiệp cũng như bảo vệ lợi ích người tiêu dùng.

Trên thực tế hiện nay có rất nhiều thiết bị sạc điện cho xe điện có chức năng chuyên dụng để cấp điện năng (Bên bán điện) cho xe điện (Bên mua điện), đồng thời có chức năng đo đếm, xác định lượng điện năng đã tiêu thụ để sạc cho xe điện nhưng chưa được quản lý. Vì vậy, thiết bị sạc điện cho xe điện là phương tiện đo nhóm 2 cần phải quản lý nhà nước về đo lường.

Như vậy, để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về đo lường đối với Thiết bị sạc điện cho xe điện, cần phải có các quy định, yêu cầu về kỹ thuật đo lường đối với Thiết bị sạc điện cho xe điện phù hợp, hài hoà với quy định, yêu cầu kỹ thuật đo lường trong khu vực và trên thế giới, đáp ứng yêu cầu của nhà sản xuất, nhập khẩu và bảo vệ người tiêu dùng.

**1. Căn cứ pháp lý**

Khoản 2 Điều 16 Luật Đo lường quy định phương tiện đo được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán thuộc Danh mục phương tiện đo nhóm 2 phải được kiểm soát theo yêu cầu kỹ thuật đo lường do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 55 Luật Đo lường quy định về trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ ‘‘Đề xuất các loại phương tiện đo nhóm 2, hàng đóng gói sẵn nhóm 2 và yêu cầu kỹ thuật đo lường đối với phép đo nhóm 2 để Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành’’.

Ngày 20/11/2022, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hà Tĩnh có văn bản số 1914/SKHCN-Ttra về việc rà soát kiến nghị sửa đổi, bổ sung các Thông tư, trong đó có đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, bổ sung phương tiện đo: Thiết bị sạc điện cho xe điện vào Danh mục phương tiện đo nhóm 2.

Ngày 26/12/2022, Bộ Công Thương đã có Công văn số 8353/BCTKHCN đề xuất bổ sung bổ sung Thiết bị sạc điện cho xe điện vào Danh mục phương tiện đo nhóm 2.

**2. Căn cứ thực tế**

a) Tình hình phát triển xe điện ở Việt Nam

Tại Việt Nam, Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ VinFast có chính sách khách hàng phải trả phí dịch vụ sạc điện theo lượng điện năng tiêu thụ tại Thiết bị sạc điện cho xe điện lắp đặt ở địa điểm công cộng như bãi đỗ xe (Nguồn: Trang thông tin điện tử của Công ty Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ VinFast, địa chỉ https://VinFastauto.com/vn\_vi/he-thong-tram-sac-va -thiet-bi-sac).

VinFast hiện đang là nhà sản xuất ô tô điện duy nhất tại Việt Nam. Theo kế hoạch từng được VinFast công bố, công ty đã triển khai hơn 2.000 trạm sạc với hơn 40.000 cổng sạc cho xe máy điện và ô tô điện tại các bãi đỗ xe của các địa điểm trung tâm tỉnh, thành phố như chung cư, toà nhà văn phòng, trung tâm thương mại, siêu thị, bến xe, bãi đỗ xe công cộng, trường đại học, cao đẳng, khách sạn ... (Nguồn: Trang thông tin điện tử của Cục đăng kiểm Việt Nam, địa chỉ <http://www.vr.org.vn/vn/tin-tuc-su-kien/duong-bo--duong-sat/viet-nam-khong-o-ngoai-le-cuoc-cach-mang-xe-dien-toan-cau-9400.html>).

b) Tình hình phát triển xe điện trên thế giới

Trên thế giới, hiện nay có khoảng 16,5 triệu chiếc ô tô điện, riêng năm 2021 tăng 6,6 triệu chiếc, riêng tháng 3 đầu năm 2022 bán ra khoảng 2 triệu chiếc. Gần 10% doanh số bán toàn cầu là ô tô điện. Năm 2021 có khoảng 1,8 triệu điểm sạc công cộng trên toàn thế giới, 1/3 trong đó là sạc nhanh. Riêng năm 2021 lắp đặt 500 nghìn bộ sạc. Ước tính năm 2040 cần 290 triệu điểm sạc để có thể chuyển đổi sang xe điện theo cam kết. (Nguồn: Cơ quan năng lượng quốc tế - IEA).

- Châu Âu, năm 2021 có khoảng 290 nghìn điểm sạc và mục tiêu đến năm 2025 là 1 triệu điểm sạc và đến năm 2030 là 3 triệu điểm sạc.

- Trung Quốc, năm 2021 có khoảng 1,1 triệu điểm sạc. Mục tiêu điện khí hoá năm 2022 có đủ trạm sạc cho 20 triệu EV, phân bổ đều ở cả khu vực nông thôn và hành lang vận tải (hiện nay 70% tập trung ở Quảng Đông và Thượng Hải), 60-80% điểm dịch vụ trên đường cao tốc có trạm sạc nhanh... Xây dựng 1000 trạm đổi pin và sản xuất 100 nghìn xe có khả năng đổi pin. Nhiều chính sách thúc đẩy các ưu đãi cho việc phát triển trạm sạc ở cả trung ương và địa phương.

- Nhật Bản, mục tiêu đến năm 2030 có 150 nghìn điểm sạc, đòi hỏi đầu tư hạ tầng cỡ 342 triệu USD, trong đó 114 triệu USD cho các trạm sạc mới và trạm nạp nhiên liệu hydrogen.

- Hàn Quốc, mục tiêu năm 2022 nâng từ 8.000 lên 30.000 điểm sạc với đầu tư trạm sạc chậm tăng 21 lên 65 triệu USD và sạc nhanh tăng từ 3,9 lên 32 triệu USD.

- Thái Lan, hiện có 1.500 trạm sạc công cộng. Mục tiêu đến năm 2030 có 12.000 trạm sạc nhanh và 1.450 trạm đổi pin cho xe máy điện.

- Mỹ, hiện có 100 nghìn trạm sạc công cộng. Mục tiêu đến năm 2030 có 500 nghìn trạm sạc nhanh và đầu tư 5 tỷ USD cho mục tiêu này. Chính phủ Mỹ đã soạn thảo đề xuất tiêu chuẩn hóa hệ thống trạm sạc xe điện do chính phủ hỗ trợ tài chính, để đồng bộ hóa công nghệ sạc công cộng trên cả nước. Các trạm sạc có khoảng cách tối đa 50 dặm và đặt cạnh một trạm xăng truyền thống. Mỗi trạm sạc "tiêu chuẩn" cũng cần có ít nhất 4 cổng sạc thường cho phép người dùng sạc 4 xe cùng lúc và 4 cổng sạc nhanh. Tiến tới sử dụng chung một ứng dụng cho tất cả các loại trạm sạc.

c) Một số chính sách quản lý đối với Thiết bị sạc điện cho xe điện trên thế giới:

Tháng 10/2022, tại Cuộc họp lần thứ 57 của Ủy ban Đo lường Pháp định quốc tế (CIML) – Tổ chức Đo lường pháp định quốc tế (OIML) đã thông báo về việc ban hành hướng dẫn OIML G 22 “Các yêu cầu kỹ thuật đo lường, quy trình thử nghiệm và kiểm soát đo lường đối với Thiết bị sạc điện cho xe điện” (OIML G 22 - Electric Vehicle Supply Equipment - EVSE) và đề nghị các nước thành viên trong đó có Việt Nam chủ động xây dựng các văn bản kỹ thuật đo lường phù hợp với thực tế và hài hoà với hướng dẫn OIML G 22 để kiểm soát đo lường đối với phương tiện đo này khi có nhu cầu.

Tháng 8 năm 2021, Viện Đo lường quốc gia Úc (NMI) cũng đã có văn bản/tài liệu chính sách đo lường đối với Trạm sạc điện cho xe điện (Electric Vehicle Charging Satations – Trade Measurement Policy Consultation Paper). NMI hiện đang tiến hành đánh giá lại toàn bộ khung pháp lý về quy định đo lường của Úc để bổ sung quy định kiểm soát đo lường đối với Thiết bị sạc điện cho xe điện, trong đó có yêu cầu về việc phê duyệt mẫu và kiểm định đối với phương tiện đo này. (Nguồn: Trang thông tin điện tử của chính phủ Úc, <https://consult.industry.gov.au/trade-measurement-policy-for-electric-vehicle>)

Trước sự phát triển nhanh của dòng xe điện, hiện nay các trong khu vực và trên thế giới cũng đang trong quá trình rà soát, xây dựng văn bản quản lý và yêu cầu kỹ thuật đối với Thiết bị sạc điện cho xe điện.

Với các luận cứ pháp lý và thực tế nêu trên, việc sửa đổi bổ sung Thông tư 23 để bổ sung Thiết bị sạc điện cho xe điện vào Danh mục phương tiện đo nhóm 2 là rất cần thiết.

**3. Hợp nhất các nội dung đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 23 (Thông tư 07), Quyết định số 3138/QĐ-BKHCN ngày 28/10/2019 đính chính Thông tư 07 với việc bổ sung Thiết bị sạc điện cho xe điện vào Danh mục phương tiện đo nhóm 2.**

Để đảm bảo tính logic, khoa học và thuận lợi trong công tác quản lý và triển khai tổ chức thực hiện quản lý nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2, Bộ Khoa học và Công nghệ hợp nhất các nội dung đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 23, Quyết định số 3138/QĐ-BKHCN ngày 28/10/2019 đính chính Thông tư 07 với việc bổ sung 01 phương tiện đo: Thiết bị sạc điện cho xe điện vào Danh mục phương tiện đo nhóm 2 tại dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung lần này.

**II. Quá trình xây dựng dự thảo Thông tư**

Thời gian qua, Tổng cục đã chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế - Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện những công việc sau:

1. Tổ chức nghiên cứu rà soát Thông tư 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2, Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 23/2013/TT-BKHCN, sự cần thiết phải bổ sung Thiết bị sạc điện cho xe điện vào Danh mục phương tiện đo nhóm 2.

2. Tổ chức xây dựng, hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 và thay thế Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013.

3. Dự thảo Thông tư không có thủ tục hành chính nên không thực hiện đánh giá tác động của thủ tục hành chính và đánh giá tác động của văn bản.

4. Tổ chức lấy ý kiến các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân liên quan đối với dự thảo Thông tư. Đồng thời, dự thảo Thông tư và Tờ trình được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ theo địa chỉ http://www.most.gov.vn để lấy ý kiến rộng rãi.

5. Tổ chức nghiên cứu ý kiến góp ý, chỉnh lý dự thảo Thông tư và giải trình tiếp thu ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương, hội, hiệp hội, tổ chức, cá nhân có liên quan.

6. Hoàn chỉnh Hồ sơ dự thảo Thông tư theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

7. Hồ sơ dự thảo Thông tư đã gửi Vụ Pháp chế thẩm định theo quy định; phối hợp với Vụ Pháp chế hoàn thiện hồ sơ dự thảo Thông tư trước khi gửi xin ý kiến các Thứ trưởng và trình Lãnh đạo Bộ xem xét, ký ban hành.

8. Hoàn thiện Hồ sơ dự thảo Thông tư theo Công văn số ...... ngày ...... tháng ...... năm ........ của Vụ Pháp chế về việc thẩm định dự thảo Thông tư.

9. Giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế (kèm theo Tờ trình).

10. Xin ý kiến các Thứ trưởng và tổng hợp, tiếp thu ý kiến của các Thứ trưởng (kèm theo).

**III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO THÔNG TƯ**

1. Về tên của dự thảo Thông tư đề nghị là “Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2”.

2. Bố cục, nội dung cơ bản của dự thảo Thông tư gồm 03 Điều như sau:

Điều 1. Đưa các nội dung đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 07 vào dự thảo Thông tư và bổ sung số thứ tự 69 sau số thứ tự 68 tại khoản 2 Điều 1 như sau:

| **TT** | **Tên phương tiện đo** | **Biện pháp kiểm soát**  **về đo lường** | | | | **Chu kỳ kiểm định** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phê duyệt mẫu** | **Kiểm định** | | |
| **Ban đầu** | **Định kỳ** | **Sau sửa chữa** |
| ***(1)*** | ***(2)*** | ***(3)*** | ***(4)*** | ***(5)*** | ***(6)*** | ***(7)*** |
| 69 | Thiết bị sạc điện cho xe điện | x | x | x | x | 24 tháng |

Điều 2. Quy định về trách nhiệm tổ chức thực hiện.

Điều 3. Quy định về hiệu lực thi hành.

Kính trình Lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định ban hành Thông tư để đáp ứng kịp thời và phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước về đo lường đối với Thiết bị sạc điện cho xe điện.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Vụ Pháp chế Bộ KHCN;  - Văn phòng Bộ KHCN;  - Lưu: VT, ĐL. | **KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG**  **PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**  **Hà Minh Hiệp** |